

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Bà Huỳnh Trúc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Ngọc H, sinh năm 1991; Số căn cước công dân 095191000768; Địa chỉ: Ấp V, xã A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Trung H, sinh năm 1992; Số căn cước công dân 096092005984; Địa chỉ: số 00, H, khóm 0, phường T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Tạ Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Trung H đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Trong 03 năm trở lại đây vợ chồng bộc lộ nhiều điểm khác biệt trong lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử. Những bất đồng ngày càng nghiêm trọng, dẫn đến nhiều cự cãi, không thấu hiểu, không chia sẻ, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm. Hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Trung H.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Ngọc T V, sinh ngày 23/8/2012, hiện đang sống cùng với cha. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu tòa xem xét.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Tạ Ngọc H và ông Trần Trung H kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (Nay là UBND xã An Trạch, tỉnh Cà Mau). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Bà H cho rằng thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận, nhưng sau một thời gian chung sống mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, ông Hiếu không có trách nhiệm với gia đình, mọi chi phí phát sinh trong gia đình do bà tự lo liệu. Mặc dù bà đã cố gắng bàn bạc, góp ý, tìm tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nhưng không đạt được, do ông H không lắng nghe, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau, tình cảm không còn nên bà cương quyết xin ly hôn với ông H. Đối với ông H không có ý kiến phản hồi gửi Toà án, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông H.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Ngọc T V, sinh ngày 23/8/2012, hiện đang sống cùng với cha là ông Trần Trung H, đã ổn định về cuộc sống, con chung có nguyện vọng được ở cùng cha. Do đó, cần giao con chung cho ông Trần Trung H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Ngọc H được ly hôn với ông Trần Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc T V, sinh ngày 23/8/2012 cho ông Trần Trung H tiếp tục nuôi dưỡng; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Tạ Ngọc H không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Tạ Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 26/12/2025 bà H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo

biên lai số 0007160 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- UBND xã An Trạch, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang

